

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 15/2019/HS-ST

Ngày 04-6-2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Ly Sa

2. Bà Lê Thị Thủy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Lâu Văn Chứ, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Văn T** - Sinh năm 1984. Nơi sinh: Xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Bản Xim, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: Vi Văn P, sinh năm 1958; Con bà: Vi Thị H, sinh năm 1962; Vợ là Lương Thị T, sinh năm 1984; Có 02, con lớn sinh năm 2002, con sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2019, chuyển tạm giam ngày 19/02/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K -Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bị hại: Anh Triệu Văn S, sinh năm 1973.

Trú tại: Bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vi Văn C, sinh năm 1989. Trú tại: Bản Xim, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ, ngày 15/02/2019 anh Triệu Văn S ở bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát đi xe máy của gia đình mang BKS 36K1-050.92 từ thị trấn Mường Lát về nhà, về đến nhà anh S để xe máy ngoài hiên nhà, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa, không khóa cổ xe và khóa càng, rồi đi bộ vào trong nhà để chuẩn bị quần áo để sáng ngày hôm sau đi làm ở Hà Nội, chuẩn bị đồ xong, anh S lên giường đi ngủ. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Vi Văn T trong lúc đang đi bộ một mình ngoài đường Quốc lộ 15C hướng từ bản Na Tao, xã Pù Nhi lên thị trấn Mường Lát, khi đi đến trước nhà anh Triệu Văn S ở bản Hạ Sơn thì nhìn thấy 01 chiếc xe máy đang để ngoài hiên nhà. Vi Văn T thấy không có người, nên Vi Văn T đã đi đến gần chiếc xe máy thì thấy xe đang còn chìa khóa cắm ở ổ khóa, cũng không khóa càng, nên Vi Văn T nảy sinh ý định trộm cắp. Do Vi Văn T nghĩ đang còn sớm nên chưa thể lấy trộm được xe máy, nên T đã quay ra đường Quốc lộ 15C, đi về hướng thị trấn Mường Lát một đoạn thì chui xuống cống ngầm của đường Quốc lộ để ngủ. Khoảng 01 giờ sáng ngày 16/02/2019, thì T thức dậy và quay lại nhà anh Triệu Văn S và đi đến chỗ để xe máy BKS 36K1-050.92 và lén lút dắt xe ra đường Quốc lộ 15C và trôi xe đi về hướng thị trấn Mường Lát một đoạn thì nổ máy, đi xe thẳng về nhà ở bản Xim, xã Quang Chiêu. Về đến nhà, T để xe ngoài hiên nhà và đi ngủ. Khoảng hơn 6 giờ sáng ngày 16/02/2019 thì Vi Văn C là em trai ruột của Vi Văn T đến nhà chơi, thấy có xe máy BKS 36K1-050.92 nên hỏi T là xe của ai, thì T trả lời là xe mượn của người quen. Lúc này C hỏi mượn xe để chở mạ lên ruộng cấy lúa thì T đồng ý.

Anh Triệu Văn S, sau khi ngủ dậy thì không thấy xe máy của gia đình ở đâu, nên nghĩ đã bị mất trộm, nên đi tìm và đồng thời báo cáo sự việc lên Ban Công an xã Pù Nhi và Đoàn Biên phòng xã Quang Chiêu.

Khi Vi Văn C mượn được xe thì đi chở mạ lên ruộng cấy lúa, trong lúc C quay về khoảng 09 giờ ngày 16/02/2019 thì bị Tổ công tác Đoàn Biên phòng Quang Chiêu phát hiện chiếc xe có biển kiểm soát và các đặc điểm như báo cáo sự việc của anh Triệu Văn S nên Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra, tạm giữ xe và lấy lời khai ban đầu của Vi Văn C. Chân khai là chiếc xe máy này C mượn của anh trai là Vi Văn T, không biết đây là xe trộm cắp. Đoàn Biên phòng xã Quang Chiêu đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện Mường Lát theo thẩm quyền.

Đến 18 giờ, ngày 16/02/2019 thì Vi Văn T đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe máy mang BKS 36K1-050.92 vào đêm trước đó.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 02/KL-ĐGTS ngày 19/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa kết luận như sau: 01(Một) xe máy BKS 36K1-050.92, nhãn hiệu YAMAHA SIRUS F1, màu trắng- xám, tại thời điểm bị xâm hại trên thị trường huyện Mường Lát (Tháng 02/2019) tài sản trị giá còn lại là: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn).

Quá trình điều tra, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá số 02/KL-ĐGTS ngày 19/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường Lát nêu trên.

Vật chứng của vụ án: 01(Một) xe máy BKS 36K1-050.92; nhãn hiệu YAMAHA SIRUS F1; màu trắng- xám; xe đã qua sử dụng.

Đối với người bị hại là Triệu Văn S chỉ có nguyện vọng muốn nhận lại chiếc xe máy của bị mất, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã trả chiếc xe máy này cho anh Triệu Văn S. Ngoài ra, anh S không yêu cầu đền bù hay bồi thường gì khác.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-ML ngày 19/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Vi Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố ban đầu đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Tuyên bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- + Áp dụng: Điều 38; điểm s, điểm i, khoản 1; điều 51; khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự, tại phiên tòa đề nghị áp dụng thêm khoản 2 điều 51 BLHS cho bị cáo.
- + Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 tháng đến 10 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì, nên bị cáo Vi Văn T không phải bồi thường.

Về vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp anh Triệu Văn S là 01(Một) xe máy BKS 36K1-050.92; nhãn hiệu YAMAHA SIRUS F1; màu trắng- xám; xe đã qua sử dụng;

Người bào chữa tham gia phiên tòa đã đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Đề nghị HĐXX xem xét đến việc bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái nên ra Cơ quan Công an đầu thú; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền

sự, luôn chấp hành đúng mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế nơi cư trú; hành vi gây thiệt hại của bị cáo là không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm sai trái; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, con bị cáo đang còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả cha (Vì vợ bị cáo đã ly thân và bỏ đi nơi khác sinh sống, các con bị cáo đang phải ở nhờ nhà bố mẹ đẻ bị cáo); bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có thu nhập ổn định. Nên đề nghị HĐXX áp dụng: điều 50; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2; điều 51; khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo một mức án thấp nhất có thể, cho cho bị cáo được hưởng án treo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo trở thành một công dân tốt. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đồng ý với đề nghị của Bị hại. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, không thay đổi lời khai, không có khai báo thêm tình tiết mới, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, không bổ sung thêm gì; không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS; đồng ý với đề nghị của Người bị hại; lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên; ý kiến của người bị hại và lời nói sau cùng của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo; Người bào chữa; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan luôn chấp hành tốt, không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Hành vi phạm phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp Cáo trạng đã truy tố bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Đó là: Khoảng 21 giờ ngày 15/02/2019, Vi Văn T đã đi bộ theo Quốc Lộ 15C tại địa phận bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, khi đi đến nhà anh Triệu Văn S thì bị cáo thấy có 01 chiếc xe máy đang để ở hiên nhà, không có người trông coi nên bị cáo lén lút đi vào thì thấy chìa khóa xe đang cắm ở xe, lúc này Vi Văn T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy này để làm phương tiện đi lại cho cá nhân. Đến khoảng 01 giờ ngày 16/02/2019 thì Vi Văn T đã quay lại chỗ để xe và dắt xe máy ra đường Quốc lộ 15C cho trôi xe được một đoạn thì nổ máy xe đi thẳng về nhà mình và đi ngủ. Đến khoảng 06 giờ sáng thì Vi Văn T cho em trai là Vi Văn C mượn xe đi chở mạ cây lúa, khi trên đường về thì bị Tổ công tác Đoàn biên phòng bắt giữ, thu giữ xe máy của Vi Văn C đang đi có đặc điểm như chiếc xe máy của anh Triệu Văn S đã báo cáo bị mất trộm. Quá trình làm việc thì C khai đó là xe mượn của anh trai là Vi Văn T. Đến chiều cùng ngày thì Vi Văn T đã đến cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đầu thú về hành vi trộm cắp chiếc xe máy. Cơ quan chuyên môn đã định giá tài sản bị cáo trộm cắp là 01 chiếc xe máy tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt vào thời điểm tháng 2/2019 là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Tính chất vụ án: Bị cáo Vi Văn T có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, pháp luật nghiêm cấm nhưng với ý thức xem thường pháp luật, lười lao động, ham hưởng thụ, nên lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại, đã trộm cắp tài sản của người khác có trị giá là 15.000.000đ, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy đề nghị này chưa thật sự đủ tính răn đe và phòng ngừa, trong khi tình hình tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu trên địa bàn huyện đang gia tăng về số lượng và tính phức tạp của loại tội phạm này, bị cáo là người nghiện ma túy (*Bị cáo khai tại phiên tòa nghiện ma túy đã 10 năm*). Do đó, hành vi này phải được xử lý với hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi xã

hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có thể để bị cáo từ bỏ ma túy và răn đe cho những ai đã và đang có hành vi tương tự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã ra cơ quan CSĐT để đầu thú; Do đó, HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo làm nương rẫy, không có thu nhập ổn định, bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Vật chứng trong vụ án:

- Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã trả lại 01(Một) xe máy BKS 36K1-050.92; nhãn hiệu YAMAHA SIRUS F1; màu trắng - xám; xe đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là anh Triệu Văn S.

- Đối với 01 ví da màu đỏ nhạt, bên trong có 01 chứng minh nhân dân và 01 đăng ký xe máy đề mang tên Triệu Văn S theo lời khai của anh Sụ là để trong cốp xe. Cơ quan CSĐT không thu thập được, Vi Văn T cũng không biết trong cốp xe có giấy tờ, tài liệu này. Đồng thời, anh Triệu Văn S cũng không yêu cầu Bị cáo Vi Văn T phải có trách nhiệm. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Triệu Văn S không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên HĐXX không xét. Người có lợi, nghĩa vụ liên quan Vi Văn C vắng mặt tại phiên tòa, nếu có yêu cầu gì về phần dân sự thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[8] Về án phí, quyền kháng cáo và kháng nghị: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, nên căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí HSST cho bị cáo. Bị cáo; Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[9] Nhận định khác: Đối với anh Vi Văn C là người bị bắt giữ khi đang sử dụng chiếc xe máy do trộm cắp mà có, nhưng Vi Văn C không biết chiếc xe máy này là xe do trộm cắp mà có, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

Khoản 1, điều 173; điểm i, điểm s, khoản 1; khoản 2, điều 51; khoản 1 điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo Vi Văn T **10** (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (16/02/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo không phải bồi thường.

Vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại vật chứng của vụ án là chiếc xe máy mang BKS 36K1-050.92; nhãn hiệu YAMAHA SIRUS F1; màu trắng - xám; xe đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là anh Triệu Văn S.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về kháng cáo và kháng nghị: Căn cứ điều 331; điều 333 và điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt bị cáo; người bào chữa cho bị cáo và bị hại; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bị cáo; bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Quang Chiêu, H. Mường Lát;
- Bị cáo Vi Văn T;
- Bị hại Triệu Văn S;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

